TRƯỜNG THPT TRẦN CAO VÂN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Tổ: CN-TIN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT, KHỐI LỚP 12**

**CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN**

**(Năm học 2024 – 2025)**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Số lớp: 07; số học sinh:**

**2. Tình hình đội ngũ:**  **Số giáo viên**: 02; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 02; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên**: Tốt: ; Khá: 02; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

**3. Thiết bị dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính/Tivi | 2 | Giảng dạy ở phòng học lý thuyết. |  |
| 2 | Thiết bị đo độ mặn | 2 | Bài 11.Một số chỉ tiêu cơ bản của môi trường thủy sản |  |
| 3 | Cân | 2 | Bài 17. Chế biến và bảo quản thức ăn thủy sản |  |
| 4 | Máy hút chân không, bếp | 2 | Bài 21. Bảo quản và chế biến thủy sản |  |

**4. Phòng học bộ môn: Không có**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Tên phòng*** | ***Số lượng*** | ***Phạm vi và nội dung sử dụng*** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

**II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**1. Phân phối chương trình môn Công nghệ**

Cả năm: 35 tuần (70 tiết). Học kì 1: 18 tuần (36 tiết). Học kì 2:17 tuần (34 tiết). Mỗi tuần: 2 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HK 1. CHỦ ĐỀ 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÂM NGHIỆP (7 tiết)** | | | |
| 1 | **Bài 1. Vai trò và triển vọng của lâm nghiệp** | 2 | – Trình bày được vai trò, triển vọng của lâm nghiệp đối với đời sống và môi trường.  – Nêu được yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp. |
| 2 | **Bài 2. Đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp** | 2 | – Nêu được một số hoạt động lâm nghiệp cơ bản.  – Nêu được các đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp. |
| 3 | **Bài 3. Sự suy thoái tài nguyên rừng** | 2 | – Phân tích được một số nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng và giải pháp khắc phục. |
| 4 | **Ôn tập chủ đề 1** | 1 | – Hệ thống hóa được kiến thức giới thiệu chung về lâm nghiệp |
| **CHỦ ĐỀ 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG (4 tiết)** | | | |
| 5 | **Bài 4. Sinh trưởng và phát triển của cây rừng** | 1 | – Phân tích được quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng. |
| 6 | **Bài 5. Hoạt động trồng và chăm sóc rừng** | 2 | – Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của việc trồng và chăm sóc rừng.  – Giải thích được việc bố trí thời vụ và mô tả được kĩ thuật trồng, chăm sóc rừng. |
| 7 | **Ôn tập chủ đề 2** | 1 | – Hệ thống hóa được kiến thức nội dung cơ bản về trồng và chăm sóc rừng |
| **CHỦ ĐỀ 3. BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG BỀN VỮNG (7 tiết)** | | | |
| 11 | **Bài 6. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững** | 1 | – Trình bày được ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững. |
| 12 | **Bài 7. Thực trạng trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng** | 2 | – Đánh giá được thực trạng trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng ở địa phương. |
| 13 | **Bài 8. Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng** | 1 | – Mô tả được một số biện pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng phổ biến.  – Đề xuất được biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng. |
|  | **Ôn tập chủ đề 3** | 1 | – Hệ thống hóa được kiến thức nội dung cơ bản về bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững |
|  | **Ôn tập giữa HK I** | 1 | – Hoàn thành đề cương ôn tập giữa kì 1 |
|  | **Kiểm tra giữa HK I** | 1 | – Theo ma trận + đặc tả kiểm tra giữa kì 1 (đảm bảo Yêu cầu cần đạt kiến thức chủ đề 12,3). |
| **CHỦ ĐỀ 4. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỦY SẢN (5 tiết)** | | | |
| 14 | **Bài 9. Vai trò và triển vọng của thủy sản trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0** | 2 | – Trình bày được vai trò và triển vọng của thuỷ sản trong bối cảnh cuộc cách mạng công  nghiệp 4.0.  – Phân tích được xu hướng phát triển của thuỷ sản ở Việt Nam và trên thế giới.  – Trình bày được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến  trong thuỷ sản. |
| 15 | **Bài 10. Các nhóm thủy sản và phương thức nuôi phổ biến** | 2 | – Phân loại được các nhóm thuỷ sản theo nguồn gốc và đặc tính sinh vật học.  – Nêu được một số phương thức nuôi thuỷ sản phổ biến ở nước ta, ưu và nhược điểm của từng  phương thức. |
| 16 | **Ôn tập chủ đề 4** | 1 | – Hệ thống hóa được kiến thức giới thiệu chung về thủy sản |
| **CHỦ ĐỀ 5. MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN (13 tiết)** | | | |
| 20 | **Bài 11. Một số chỉ tiêu cơ bản của môi trường nuôi thủy sản** | 5 | – Trình bày được các yêu cầu chính của môi trường nuôi thuỷ sản.  – Xác định được một số chỉ tiêu cơ bản của nước nuôi thuỷ sản.  – Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thuỷ sản. |
| 21 | **Bài 12. Quản lý môi trường nuôi thủy sản** | 3 | – Mô tả được các biện  pháp quản lí môi trường nuôi thuỷ sản.  – Có ý thức vận dụng kiến thức về quản lí môi trường nuôi thuỷ sản vào thực tiễn. |
| 22 | **Bài 13. Xử lý môi trường nuôi thủy sản** | 2 | – Mô tả được một số biện pháp cơ bản xử lí môi trường trước và sau nuôi thuỷ sản.  – Trình bày được ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lí môi trường nuôi thuỷ sản. |
|  | **Ôn tập chủ đề 5** | 1 | – Hệ thống hóa được kiến thức nội dung cơ bản về môi trường nuôi thuỷ sản |
|  | **Ôn tập cuối HK I** | 1 | – Hoàn thành đề cương ôn tập cuối kì 1 |
| 23 | **Kiểm tra HK I** | 1 | – Theo ma trận + đặc tả kiểm tra cuối kì 1 (đảm bảo Yêu cầu cần đạt kiến thức chủ đề 1,2,3,4,5) |
| **HK2. CHỦ ĐỀ 6. CÔNG NGHỆ GIỐNG THỦY SẢN (5 tiết)** | | | |
| 25 | **Bài 14. Vai trò của giống và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản** | 2 | – Trình bày được vai trò của giống trong nuôi thuỷ sản.  – Phân tích được ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thuỷ sản. |
| 26 | **Bài 15. Đặc điểm sinh sản và kỹ thuật ương nuôi cá, tôm giống** | 2 | – Phân tích được đặc điểm sinh sản của cá và tôm.  – Mô tả được kĩ thuật ương, nuôi cá và tôm giống.  – Có ý thức vận dụng kiến thức về giống thuỷ sản vào thực tiễn. |
| 27 | **Ôn tập chủ đề 6** | 1 | – Hệ thống hóa được các kiến thức nội dung cơ bản về công nghệ giống thuỷ sản |
| **CHỦ ĐỀ 7. CÔNG NGHỆ THỨC ĂN THỦY SẢN ( 5 tiết)** | | | |
|  | **Bài 16. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn cho động vật thủy sản** | 1 | – Trình bày được thành phần dinh dưỡng và vai trò của các nhóm thức ăn thuỷ sản. |
|  | **Bài 17. Chế biến và bảo quản thức ăn thủy sản** | 3 | – Mô tả được một số phương pháp bảo quản, chế biến thức ăn thuỷ sản.  – Trình bày được ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến thức ăn thuỷ sản.  – Thực hiện được một phương pháp bảo quản, chế biến thức ăn thuỷ sản ở quy mô nhỏ. |
|  | **Ôn tập chủ đề 7** | 1 | – Hệ thống hóa được các kiến thức nội dung cơ bản về công nghệ thức ăn thuỷ sản |
| **CHỦ ĐỀ 8. CÔNG NGHỆ NUÔI THỦY SẢN ( 12 tiết)** | | | |
|  | **Bài 18. Kỹ thuật nuôi một số loài thủy sản phổ biến** | 2 | – Mô tả được quy trình nuôi, chăm sóc một số loại thuỷ sản phổ biến ở Việt Nam.  – Đề xuất được biện pháp đảm bảo vệ sinh ao nuôi và bảo vệ môi trường trong nuôi thuỷ sản. |
|  | **Bài 19. Quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP** | 2 | – Phân tích được quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP. |
|  | **Bài 20. Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi thuỷ sản** | 2 | – Mô tả được một số ứng dụng công nghệ cao trong nuôi thuỷ sản |
|  | **Ôn tập giữa HKII** | 1 | – Hoàn thành đề cương ôn tập giữa kì 2 |
|  | **Kiểm tra giữa HKII** | 1 | – Theo ma trận + đặc tả kiểm tra cuối kì 1 (đảm bảo Yêu cầu cần đạt kiến thức chủ đề 6,7) |
|  | **Bài 21. Bảo quản và chế biến thủy sản** | 3 | – Trình bày được một số phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến thuỷ sản phổ biến.  – Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến thuỷ sản.  – Thực hiện được một số công việc đơn giản trong bảo quản, chế biến và nuôi thuỷ sản. |
|  | **Ôn tập chủ đề 8** | 1 | – Hệ thống hóa được các kiến thức nội dung cơ bản về công nghệ nuôi thuỷ sản |
| **CHỦ ĐỀ 9. PHÒNG, TRỊ BỆNH THỦY SẢN (5 tiết)** | | | |
|  | **Bài 22. Phòng, trị bệnh một số bệnh thuỷ sản phổ biến** | 2 | – Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh thuỷ sản.  – Mô tả được đặc điểm, nêu được nguyên nhân và biện pháp phòng, trị một số loại bệnh thuỷ  sản phổ biến.  – Vận dụng được kiến thức về phòng, trị bệnh thuỷ sản vào thực tiễn. |
|  | **Bài 23. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh thuỷ sản** | 2 | – Trình bày được ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh thuỷ sản. |
|  | **Ôn tập chủ đề 9** | 1 | – Hệ thống hóa được các kiến thức nội dung cơ bản về phòng, trị bệnh thuỷ sản |
| **CHỦ ĐỀ 10. BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN (6 tiết)** | | | |
|  | **Bài 24. Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản** | 1 | – Trình bày được ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.  – Mô tả được một số biện pháp phổ biến trong bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.  – Đề xuất được biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản. |
|  | **Bài 25. Khai thác hợp lý nguồn lợi thuỷ sản** | 2 | – Trình bày được ý nghĩa, nhiệm vụ của việc khai thác nguồn lợi thuỷ sản.  – Mô tả được một số biện pháp phổ biến trong khai thác nguồn lợi thuỷ sản. |
|  | **Ôn tập chủ đề 10** | 1 | – Hệ thống hóa được các kiến thức nội dung cơ bản về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thuỷ sản |
|  | **Ôn tập cuối HK II** | 1 | – Hoàn thành đề cương ôn tập cuối kì 2 |
|  | **Kiểm tra HK II** | 1 | – Theo ma trận + đặc tả kiểm tra cuối kì 2 (đảm bảo Yêu cầu cần đạt kiến thức chủ đề 6,7,8,9,10) |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45p | Tuần 9 | Nội dung kiến thức tới tuần 8. | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 45p | Tuần 18 | Nội dung kiến thứ tới tuần 17. | Trắc nghiệm |
| Giữa Học kỳ 2 | 45p | Tuần 28 | Nội dung kiến thức tới tuần 27 | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 2 | 45p | Tuần 36 | Nội dung kiến thức tới tuần 35 | Trắc nghiệm |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

**1. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn**:

**-** Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

- Sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kì hàng tháng theo mô hình nghiên cứu bài học, tổ chức kiểm tra đánh giá giữa kì và cuối kì.

**2. Về công tác giảng dạy**

Đảm bảo chỉ tiêu chất lượng giáo dục của nhà trường (tỷ lệ % học sinh đạt kết quả dạy học từng mặt).

**3. Về công tác chủ nhiệm (nếu có)**

Đảm bảo chỉ tiêu chất lượng giáo dục của nhà trường (tỷ lệ % học sinh đạt kết quả dạy học từng mặt).

**4. Về công tác trao đổi góp ý chuyên môn và dự giờ rút kinh nghiệm**

Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường và tổ chuyên môn.

|  |  |
| --- | --- |
| **GV XÂY DỰNG TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Chư Sê, ngày … tháng 8 năm 2024*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |